Đoạn này mô tả SQL database server là một cấu trúc logic hoạt động như một điểm quản trị trung tâm cho nhiều cơ sở dữ liệu, bao gồm cả cơ sở dữ liệu đơn lẻ hoặc được gom vào các nhóm cơ sở dữ liệu, các quy tắc đăng nhập, các quy tắc tường lửa, quy tắc kiểm tra kiểm soát, các chính sách phát hiện mối đe dọa và các nhóm dự phòng.

Cụ thể:

* **Cơ sở dữ liệu đơn lẻ**: Là các cơ sở dữ liệu riêng lẻ được quản lý độc lập trên một SQL database server.
* **Cơ sở dữ liệu được gom nhóm (Pooled databases)**: Là một tập hợp các cơ sở dữ liệu được quản lý và chia sẻ tài nguyên với nhau. Các cơ sở dữ liệu trong cùng một nhóm có thể chia sẻ tài nguyên như bộ nhớ, không gian lưu trữ và sức mạnh xử lý.
* **Quy tắc đăng nhập (Logins)**: Là quy tắc xác định quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu cho người dùng hoặc ứng dụng.
* **Quy tắc tường lửa (Firewall rules)**: Là quy tắc quản lý truy cập vào cơ sở dữ liệu từ các địa chỉ IP cụ thể hoặc phạm vi IP.
* **Quy tắc kiểm tra kiểm soát (Auditing rules)**: Là quy tắc xác định việc ghi lại các sự kiện và hoạt động trên cơ sở dữ liệu để phục vụ mục đích giám sát và tuân thủ.
* **Chính sách phát hiện mối đe dọa (Threat detection policies)**: Là các chính sách định nghĩa các hành động phản ứng khi phát hiện mối đe dọa hoặc hành vi không bình thường trên cơ sở dữ liệu.
* **Nhóm dự phòng (Failover groups)**: Là cơ chế tự động chuyển đổi sang một bản sao dự phòng của cơ sở dữ liệu khi xảy ra sự cố, đảm bảo sự liên tục và sẵn sàng cao cho hệ thống.